TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HS-PT
Ngày 02 – 3 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Danh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành;

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 136/2020/HS-PT ngày 09 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn B và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2020/HS-ST ngày 28 ngày 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn B, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1989 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn L, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn Đ và bà Lê Thị P; có vợ là Nguyễn Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 13/8/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

2. Vũ Văn P, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1979 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn B1, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 03/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Vũ Thị Q và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 13/8/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

3. Vũ Văn N, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1980 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn L, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 04/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn

giáo: Không; con ông Vũ Văn D và bà Bùi Thị H; có vợ là Lê Thị N và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 63/2012/HSPT ngày 26/7/2012 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

4. Lê Văn T, sinh ngày 26 tháng 11 năm 1979 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn B1, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị L (đã chết); có vợ là Vũ Thị X và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 31/2017/HSST ngày 15/6/2017 của TAND huyện V xử phạt Lê Văn T 08 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc"; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

5. Đỗ Văn N, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1996 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn L, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn G và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Phùng Thị Minh P và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

6. Nguyễn Văn H, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1991 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M và bà Đỗ Thị H; có vợ là Nguyễn Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

7. Lê Văn C, sinh ngày 04 tháng 9 năm 1986 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn B1, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; bố đẻ không xác định được; con bà Lê Thị C; có vợ là Nguyễn Thị P và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

8. Lê Văn T, sinh ngày 11 tháng 5 năm 1986 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn L thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Duy X (đã chết) và bà Vũ Thị T; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

9. Nguyễn Văn T, sinh 10 tháng 03 năm 1971 tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn B1, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp:

Lao động tự do; trình độ văn hoá: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lê Thị C (đã chết); có vợ là Lê Thị Lvà có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

Ngoài ra còn 04 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; có hai bị cáo có kháng cáo nhưng đã rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 01/5/2020, Lê Văn B đang ở nhà tại thôn L, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc thì lần lượt có Lê Văn C điều khiển xe đạp địa hình, Vũ Văn N và Vũ Văn T điều khiển 02 xe môtô, Đỗ Văn N và Lê Văn T đi bộ, Lê Văn T điều khiển xe môtô chở Vũ Văn P, đều quen biết nhau và cùng trú tại thị trấn T, huyện V, lần lượt đến nhà B chơi. Tại nhà B, các đối tượng C, N, T, N,T và T cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa ăn tiền và hỏi B cho đánh bạc tại nhà ở của B sau đó sẽ trả tiền hồ thì B đồng ý. Công không đem theo tiền nên cầm cố chiếc xe đạp địa hình đi đến cho B để vay 2.000.000 đồng lấy tiền tham gia đánh bạc. Do sân nhà B nhỏ nên B đã dắt xe đạp của Công, 03 xe môtô của N, T, T và xe môtô của B để sang sân nhàT. Sau đó, B trải 02 chiếc chiếu nhựa đôi ra sân cho mọi người ngồi đánh bạc còn T về nhà (cạnh nhà B) lấy bộ dụng cụ gồm 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình chữ nhật bằng tre có 01 mặt màu vàng và 01 mặt màu đen rồi sang ngồi vào chiếu làm xóc cái cho Công, N, T, N, T đặt cược tiền đánh bạc với mình còn P ngồi xem mọi người đánh bạc, B thì ra ngoài cổng cảnh giới.

Trong quá trình T, Công, N, T, N và T đánh bạc thì lần lượt có Vũ Văn Lu, Lê Văn T2, Lê Văn T, Lê Văn H , Nguyễn Văn T, Vũ Văn L , Vũ Văn N, Nguyễn Văn H đến nhà B chơi. Khi đến nhà B, thấy mọi người đang đánh bạc nên L, T2,T, H, T, L, H ngồi xuống chiếu cùng tham gia đặt cược tiền đánh xóc đĩa với T, C, N, T, N, T còn Vũ Văn N ngồi xem. Một lúc sau, B đi vào sân bảo mỗi người tham gia đánh bạc nộp 100.000 đồng tiền hồ thì T, N, H, Đỗ Văn N, T, L, T và C mỗi người lấy ra 100.000 đồng tiền hồ nộp cho B. B thu được 800.000 đồng tiền hồ của những người trên rồi lại tiếp tục đi ra đứng ngoài cổng cảnh giới cho các con bạc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, do bị thua hết tiền nên N,T, Đỗ Văn N đã hỏi và được Vũ Văn P cho vay tiền để tiếp tục đánh bạc.

Các bị cáo T, C, N, T, Đỗ Văn N, T, L, T2,T, H , T, L và H ngồi đánh bạc liên tục đến 23 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện V phối hợp với Công an thị trấn T bắt quả tang, bắt giữ 13 đối tượng tại chiếu bạc gồm B, P, N, H,T, Đỗ Văn N, T, L, T, T2,T, C và Vũ Văn N. Khi lực lượng Công an bắt quả tang, các đối tượng T, C,T, T2, Lu, T, H đã trèo lên mái nhà B để bỏ chạy. Quá trình bỏ chạy T, C,T và L bị ngã dẫn đến bị thương tích Ngay sau đó, lực lượng Công an đã

bắt giữ được T, C,T, T2 đưa về nhà B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang còn T, L, H chạy thoát.

Quá trình điều tra xác định các đối tượng thống nhất đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền, cách chơi và tỷ lệ ăn thua được quy định như sau: Dụng cụ chơi xóc đĩa gồm 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị hình chữ nhật làm bằng tre có 01 mặt màu vàng và 01 mặt màu đen. Người xóc cái sẽ đặt 04 quân xóc lên đĩa, úp bát lên rồi xóc liên tục để đảo lộn các mặt quân, sau đó đặt bát, đĩa xuống để những người tham gia đánh bạc đặt tiền cược xuống chiếu chọn cửa chẵn hoặc cửa lẻ. Sau khi người chơi đặt tiền cược xong thì người xóc cái sẽ cân đối lượng tiền cược của 02 cửa để nhận cược với số tiền tại cửa mình muốn hoặc chuyển lại tiền chênh lệch cho ai có nhu cầu mua rồi mở bát ra xem kết quả nếu có 04 quân hoặc 02 quân cùng màu ngửa ra trên đĩa thì người đặt cược cửa chẵn thắng, nếu có 03 quân cùng màu và 01 quân khác màu ngửa ra trên đĩa thì người đặt cược cửa lẻ thắng. Người thắng sẽ được trả cho số tiền tương ứng với tiền mình đặt cược do người xóc cái trả hoặc cân đối lấy tiền cược của người thua trả cho. Khi tham gia đánh bạc mức cược thấp nhất mỗi lần đặt của mỗi người chơi là 100.000 đồng, còn ai muốn đặt cao hơn thì tùy ý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định vai trò và số tiền tham gia đánh bạc của các bị cáo trong vụ án như sau: Lê Văn B không trực tiếp tham gia đánh bạc cùng các đối tượng trên nhưng B đã đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình, trải chiếu và đứng ngoài cổng cảnh giới cho các bị cáo đánh bạc và thu được 800.000 đồng tiền hồ do T, N, H, Đỗ Văn N, T, L, T và C nộp. Ngoài ra, B còn nhận cầm cố của C 01 chiếc xe đạp địa hình với số tiền 2.000.000 đồng để C đánh bạc, B cắt lãi 100.000 đồng, chỉ đưa cho C số tiền 1.900.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, B để số tiền hồ thu được là 800.000 đồng và 100.000 đồng tiền cắt lãi của C tại chiếu bạc.

Vũ Văn P khi đến nhà B chơi có đem theo số tiền 23.200.000 đồng và cầm hộ Lê Văn T số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng 33.200.000 đồng. Trong quá trình các con bạc sát phạt nhau, P sử dụng toàn bộ số tiền vào mục đích để cho các con bạc vay sử dụng đánh bạc. Cụ thể: N bị thua bạc hết số tiền đem theo nên đã vay của P số tiền 15.000.000 đồng để đánh bạc, P đồng ý rồi cắt lãi 600.000 đồng và chỉ đưa cho N số tiền 14.400.000 đồng;T thua bạc hết số tiền đem theo đã vay của P số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc, P cắt lãi 200.000 đồng và chỉ đưa choT số tiền 4.800.000 đồng. Sau đó,T tiếp tục thua bạc hết tiền nên vay tiếp của P số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc, P cắt lãi 400.000 đồng và chỉ đưa choT số tiền 9.600.000 đồng. Tiếp đó, N thắng bạc nên trả cho P số tiền 10.000.000 đồng. Lúc này, Đỗ Văn N bị thua bạc hết số tiền đem theo đã vay của P 10.000.000 đồng để đánh bạc, P cắt lãi 400.000 đồng và chỉ đưa cho N số tiền 9.600.000 đồng. N tiếp tục thắng bạc và trả cho P số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, P tiếp tục choT vay số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc và P cắt lãi 200.000 đồng, đưa choT 4.800.000 đồng. N thắng bạc nên trả luôn P số tiền 10.000.000 đồng vừa vay. Lúc này, T thua bạc hết số tiền để trên người nên P trả T 10.000.000 đồng T gửi trước đó cho T tiếp tục đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, cơ quan công an đã thu giữ của P số tiền 5.000.000 đồng, gồm: 3.200.000 đồng là số tiền còn lại trong tổng số tiền P đem theo đến nhà B cùng số tiền T gửi P cầm hộ (P có mục đích cho các con bạc vay

toàn bộ để sử dụng đánh bạc sau đó) và 1.800.000 đồng là tiền cắt lãi khi cho N,T và Đỗ Văn N vay tiền để đánh bạc. Quá trình có mặt tại địa điểm đánh bạc và cho các đối tượng vay tiền đánh bạc thì P không nộp tiền hồ cho B.

Lê Văn T đem theo 4.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Quá trình đánh bạc,T bị thua hết số tiền trên nên đã vay tiền của P 03 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng (P cắt lãi 800.000 đồng nênT chỉ được nhận số tiền 19.200.000 đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Tổng số tiền thực tếT sử dụng để đánh bạc là 23.200.000 đồng trong đóT đã nộp cho B 100.000 đồng tiền hồ. Khi bị bắt quả tang thìT đang thua số tiền 22.100.000 đồng, còn lại số tiền 1.000.000 đồngT để tại chiếu bạc bị thu giữ.

Vũ Văn N đem theo 2.650.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, N bị thua hết số tiền trên nên đã vay của P số tiền 15.000.000 đồng (P cắt lãi 600.000 đồng nên chỉ đưa cho N số tiền 14.400.000 đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Tổng số tiền thực tế N sử dụng để đánh bạc là 17.050.000 đồng. Quá trình đánh bạc, N đã nộp cho B 100.000 đồng tiền hồ. Khi thắng bạc, N đã trả cho P số tiền vay là 15.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, N đang thắng số tiền 1.050.000 đồng và để toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng dưới chiếu bạc bị cơ quan công an thu giữ.

Đỗ Văn N đem theo 2.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, N bị thua hết số tiền trên nên đã vay của P số tiền 10.000.000 đồng (P cắt lãi 400.000 đồng nên chỉ đưa cho N số tiền 9.600.000 đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Tổng số tiền thực tế N sử dụng để đánh bạc là 11.600.000 đồng, trong đó N đã nộp cho B 100.000 đồng tiền hồ. Quá trình đánh bạc, N thắng nên đã trả cho P số tiền 10.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thì N đang thắng số tiền 400.000 đồng và để toàn bộ số tiền 1.900.000 đồng tại chiếu bạc bị cơ quan công an thu giữ.

Lê Văn T đem theo 10.300.000 đồng. Trước khi đến nhà B thì T đã nhờ P cầm giúp số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 300.000 đồng T sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T thua hết số tiền trên người nên đã bảo P đưa lại cho mình số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi P đưa lại tiền thì T trả cho H số tiền 5.000.000 đồng mà T nợ H trước đó còn lại 5.000.000 đồng T sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc. Tổng số tiền thực tế T sử dụng để đánh bạc là 5.300.000 đồng, T đã nộp cho B 100.000 đồng tiền hồ. Khi bị bắt quả tang thì T vừa bị thua hết số tiền 5.200.000 đồng.

Vũ Văn T đem theo 5.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T thắng số tiền 7.100.000 đồng, T đã nộp cho B 100.000 đồng tiền hồ còn số tiền 12.000.000 đồng thu trên người bị cáo.

Lê Văn T2 đem theo 2.700.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T thua số tiền 700.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng thu trên người T. Khi đánh bạc Thỏa không nộp tiền hồ do đến chơi sau.

Vũ Văn L đem theo 2.300.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Quá trình đánh bạc L thua số tiền 950.000 đồng, đã nộp cho B 100.000 đồng tiền hồ còn lại 1.250.000 đồng Lâm để dưới chiếu bạc bị thu giữ khi bắt quả tang.

Lê Văn C đem theo 100.000 đồng và trước khi đánh bạc đã cầm cố chiếc xe đạp địa hình cho B để lấy số tiền 2.000.000 đồng. B đồng ý và cắt lãi 100.000 đồng, chỉ đưa cho C số tiền 1.900.000 đồng. C sử dụng toàn bộ số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, đã nộp cho B 100.000 đồng tiền hồ. Quá trình đánh bạc, C thắng số tiền 1.100.000 đồng và để toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng trên người bị cáo.

Nguyễn Văn H đem theo 600.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Sau đó, T trả cho H 5.000.000 đồng mà T nợ trước đó. H sử dụng toàn bộ số tiền 5.600.000 đồng để đánh bạc, trong đó đã nộp cho B 100.000 đồng tiền hồ. Quá trình đánh bạc, H thua 2.900.000 đồng còn 2.600.000 đồng H để dưới chiếu bạc đã bị thu giữ khi bắt quả tang.

Lê Văn T, Nguyễn Văn T khai nhận mỗi người đem theo 600.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Vũ Văn L, Lê Văn Hmỗi người có 200.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang thì T, T, Lu, Huy đều thua hết số tiền đem theo và quá trình đánh bạc đều không nộp tiền hồ cho B.

Quá trình điều tra các bị cáo chỉ thừa nhận số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 56.450.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo cũng như người làm chứng đều khai nhận số tiền 55.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc và 23.250.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo khi bắt quả tang đều được sử dụng vào việc đánh bạc. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 78.250.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2020/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định. Tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội "Gá bạc"; các bị cáo Vũ Văn P, Vũ Văn N, Lê Văn T, Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T, Nguyễn Văn T phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Lê Văn B 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến 13/8/2020.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn P 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến 13/8/2020.

Xử phạt các bị cáo Vũ Văn N và Lê Văn T mỗi bị cáo 03 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020.

Xử phạt các bị cáo Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn C và Lê Văn T mỗi bị cáo 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 10/5/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 9 năm 2020 bị cáo Vũ Văn N kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, bị cáo Đỗ Văn N kháng cáo xin hưởng án treo; vào các ngày 01, 06, 08 và 09 tháng 10 năm 2020 các bị cáo Lê Văn B , Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T, Lê Văn T, Nguyễn Văn T và Vũ Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Văn B , Vũ Văn N, Vũ Văn P, Lê Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; các bị cáo Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T, Nguyễn Văn T chỉ kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Lê Văn B , Vũ Văn P, Vũ Văn N, Lê Văn T và Nguyễn Văn T vì đã có thành tích giúp đỡ Cơ quan C an trong công tác phát hiện, điều tra tội phạm; áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn N, Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Đỗ Văn T và Lê Văn T vì bị cáo N đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bị cáoT đã có công đóng góp hỗ trợ cho địa phương trong công tác phòng chống dịch Covid-19; ngoài ra các bị cáo N, N, H, T,T đã tự nguyện nộp xong tiền phạt bổ sung theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn N, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Văn B , Vũ Văn P, Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T và Nguyễn Văn T, Lê Văn T và Đỗ Văn N. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2020/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn N; giảm hình phạt cho Lê Văn B và Vũ Văn P mỗi bị cáo từ 03 tháng đến 04 tháng tù; giảm hình phạt cho bị cáo Lê Văn T 03 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo; sửa biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Văn N, Lê Văn T, Lê Văn C, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn T, cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với mỗi bị cáo là 05 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn B , Vũ Văn P, Vũ Văn N, Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T, Vũ Văn T, Lê Văn T, Nguyễn Văn T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo Lê Văn B , Vũ Văn N, Vũ Văn P, Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T, Vũ Văn T, Lê Văn T và Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận vào hồi 21 giờ ngày 01/5/2020, tại nhà ở của mình tại thôn L, thị trấn T, huyện V, Lê Văn B đã đồng ý, chuẩn bị các công cụ liên quan đến việc đánh bạc để cho 13 con bạc gồm Lê Văn T, Vũ Văn T, Lê Văn T2, Vũ Văn N, Lê Văn T, Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Vũ Văn L, Lê Văn C, Lê Văn T, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L và Lê Văn Hcùng nhau đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 23 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện, bắt quả tang người cùng tang vật. Quá trình điều tra đã xác định được tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 78.250.000 đồng (Bảy mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Lê Văn B và Vũ Văn P không tham gia đánh bạc nhưng B là người dùng nhà ở thuộc quyền quản lý của mình cho các con bạc đánh bạc để thu tiền; P là người có hành vi giúp sức cho các đối tượng đánh bạc bằng việc cho họ vay tiền để đánh bạc nhằm mục đích thu lợi bất chính.

[4] Với hành vi phạm tội nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội "Gá bạc" quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Vũ Văn P, Vũ Văn N, Lê Văn T, Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T và Nguyễn Văn T về tội "Đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Văn B , Vũ Văn P, Vũ Văn N, Lê Văn T:

Trong vụ án này một mình bị cáo Lê Văn B phạm tội gá bạc; bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò tích cực, trực tiếp trải chiếu và đứng ngoài cổng cảnh giới cho các con bạc đánh bạc; đã thu được 800.000 đồng tiền hồ. Ngoài ra, trước khi các đối tượng đánh bạc thì B còn nhận cầm cố của bị cáo C 01 chiếc xe đạp để C có tiền đánh bạc. Hành vi gá bạc của bị cáo nhằm động cơ vụ lợi và bị cáo bị truy tố, xét xử với ba tình tiết định tội. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt B 01 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ và vai trò phạm tội của bị cáo.

Các bị cáo Vũ Văn N, Lê Văn T đều thực hiện tội phạm với vai trò tích cực, có số tiền đánh bạc nhiều; bị cáo Vũ Văn P tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã tích cực giúp sức cho các con bạc thực hiện hành vi phạm tội bằng cách cho họ vay tiền để thu lợi bất chính. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và vai trò phạm tội của họ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm cả bốn bị cáo B, N, P và T xuất trình cho Tòa án tài liệu xác nhận đã có thành tích giúp đỡ cơ quan C an phát hiện, điều tra tội phạm, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm t

khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng. Ngoài ra, bị cáo N đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, việc tự nguyện nộp phạt của bị cáo là thể hiện sự ăn năn, nghiêm túc chấp hành pháp luật, đây cũng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo N được hưởng. Các bị cáo B và P có nhân thân tốt và lần đầu phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho cả bốn bị cáo để các bị cáo yên tâm cải tạo, sửa chữa sai lầm, sớm có cơ hội trở về đoàn tụ với gia đình.

[5.2] Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Văn B , Vũ Văn P, Vũ Văn N, Lê Văn T, Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T và Nguyễn Văn T:

Các bị cáo Lê Văn B , Vũ Văn P, Vũ Văn N đều thực hiện tội phạm với vai trò tích cực; bị cáo Vũ Văn N có nhân thân không tốt, từng bị kết án về tội cướp tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội; bị cáo P đã cho ba đối tượng vay tiền với số tiền cho vay là 45 triệu đồng (cho N vay 15 triệu, choT vay 20 triệu đồng và cho N vay 10 triệu đồng), chiếm hơn một nửa tổng số tiền đánh bạc trong vụ án nếu cho các bị cáo được hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm cờ bạc trên địa bàn trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Lê Văn B , Vũ Văn P và Vũ Văn N.

Bị cáo Lê Văn T có nhân thân không tốt, từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội đáng lẽ cần phải dụng hình phạt tù mới tương xúng với vai trò và nhân thân của bị cáo. Tuy nhiên bị cáo là người khuyết tật, bị mất một chân và mù một bên mắt, sức khỏe yếu, không có khả năng lao động; gia đình bị cáo có điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, mẹ chết, bố già yếu sống phụ thuộc vợ chồng bị cáo nếu bắt bị cáo đi chấp hành án phạt tù sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của bị cáo cũng như gây khó khăn cho trại giam. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; có nơi cư trú rõ ràng; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51, đáng được khoan hồng và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm tất cả các bị cáo kháng cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh thực tế của bị cáo T để cho bị cáo T được hưởng án treo. Thấy rằng, trong vụ án cụ thể này bị cáo T có khả năng tự cải tạo tại địa phương và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn trên địa bàn. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục là đủ để răn đe và phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội điều trị bệnh tật, tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T và Nguyễn Văn T tham gia đánh bạc với số tiền ít; N, H, T vàT đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, việc tự nguyện nộp phạt của các bị cáo là

thể hiện sự ăn năn, nghiêm túc chấp hành pháp luật, đây cũng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng. Ngoài ra bị cáo N và bị cáoT còn được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 đó là N đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; cònT tuy có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động duy nhất trong gia đình, một mình nuôi mẹ đã già yếu nhưng đã có công đóng góp hỗ trợ cho địa phương trong công tác phòng chống dịch Covid-19. Thấy rằng, trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên tòa phúc thẩm, đáng được khoan hồng, đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt các bị cáo Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T và Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo B, P, N, T, N, H, C,T và T được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Văn B , Vũ Văn P, Vũ Văn N và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T, Nguyễn Văn T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2020/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội "Gá bạc"; các bị cáo Vũ Văn P, Vũ Văn N, Lê Văn T, Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn C, Lê Văn T và Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn B 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 13/8/2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Vũ Văn P 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 13/8/2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020 đến ngày 13/8/2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn C 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Lê Văn T, Đỗ Văn N, Nguyễn Văn H, Lê Văn T, Lê Văn C và Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn B , Vũ Văn P, Vũ Văn N, Lê Văn T, Lê Văn C, Lê Văn T, Nguyễn Văn T, Đỗ Văn N và Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Danh

Phúc.
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu hồ sơ; Toà hình sự, HC-TP.